

QUYỀN YÊU CẦU LY HÔN THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2014 DƯỚI GÓC ĐỘ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI

NÔNG THỊ THOẠ*

Tóm tắt: Quyền yêu cầu ly hôn là quyền nhân thân gắn liền với vợ chồng. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo tốt hơn quyền lợi của vợ, chồng, đã bổ sung quy định về quyền yêu cầu ly hôn của cha mẹ, người thân thích khác của một bên vợ hoặc chồng và bổ sung thêm trường hợp người chồng bị hạn chế quyền yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, khi thực hiện các quy định này trên thực tế vẫn phát sinh những bất cập nhất định. Bài viết phân tích nội dung, chỉ ra những hạn chế và đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về quyền yêu cầu ly hôn nhằm đảm bảo tốt hơn quyền con người của các chủ thể có liên quan.

Từ khóa: Quyền yêu cầu ly hôn; hạn chế quyền yêu cầu ly hôn

Ngày nhận bài: 31/3/2025; Biên tập xong: 14/6/2025; Ngày duyệt đăng: 26/6/2025

THE RIGHT TO REQUEST DIVORCE UNDER THE 2014 LAW ON MARRIAGE AND FAMILY FROM THE PERSPECTIVE OF PROTECTING HUMAN RIGHTS

Abstract: The right to request divorce is a personal right associated with husband and wife. In the 2014 Law on Marriage and Family, in order to better ensure the rights of husband and wife, the provisions on the right to request divorce of parents and other relatives of one spouse have been added, and the case where the husband is restricted from requesting divorce has also been supplemented. However, certain shortcomings still arise when implementing these provisions in practice. The article analyzes the content, points out the limitations and proposes to improve the legal provisions on the right to request divorce to better ensure the human rights of related subjects.

Keywords: Right to request divorce; restriction on the right to request divorce

Received: Mar 31st, 2025; **Editing completed:** Jun 14th, 2025; **Accepted for publication:** Jun 26th, 2025

1. Khái niệm quyền yêu cầu ly hôn

Khái niệm về kết hôn và ly hôn mới chỉ được biết đến trong xã hội có nhà nước và pháp luật. Giai cấp thống trị thấy rằng cần thiết phải xây dựng những quy định để điều chỉnh các vấn đề phát sinh khi nam, nữ chung sống với nhau. Vì vậy, Nhà nước xây dựng pháp luật về hôn nhân và gia đình (HN&GD) để điều chỉnh quan hệ chung sống giữa nam và nữ theo một trình tự nhất định nhằm đảm bảo trật tự chung của xã hội. Trong đó, ly hôn là một chế định pháp luật trong Luật HN&GD. Quyền yêu cầu ly hôn là một nội dung của chế định ly hôn. Pháp luật quy định cụ thể chủ thể nào có quyền yêu cầu ly hôn và quyền ly hôn cần phải được thực hiện như thế nào, đảm bảo ra sao.

Quyền yêu cầu ly hôn là quyền nhân thân của cá nhân. Quan hệ hôn nhân là quan hệ giữa vợ, chồng. Do đó, quyền yêu cầu ly hôn trước tiên là quyền của vợ, chồng. Quy định cho vợ, chồng có quyền yêu cầu ly hôn là nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của vợ, chồng. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp, vợ hoặc chồng không thể tự mình thực hiện được quyền yêu cầu ly hôn (do bị mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi) thì pháp luật cũng cần có những quy định để họ có thể thực hiện được quyền yêu cầu ly hôn. Bởi lẽ cho họ quyền kết hôn, cuộc hôn nhân đó đã được hình thành với những

* Email: Fallinlove.8489@gmail.com

Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Pháp luật Dân sự, Trường Đại học Luật Hà Nội

ràng buộc và các mối quan hệ phức tạp về con cái, tài sản... thì cũng cần cho họ được quyền ly hôn nếu một trong hai bên không còn thấy hạnh phúc, bị bạo hành, bị phản bội do ngoại tình và trong nhiều trường hợp khác dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được. Họ không tự mình thực hiện được quyền yêu cầu ly hôn thì cần quy định cho những chủ thể khác có quyền yêu cầu ly hôn dựa trên cơ sở cân nhắc đến những chủ thể có thể đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho vợ, chồng trong trường hợp này. Khi vợ chồng không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì phải thực hiện việc ly hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cũng phải tuân theo trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định. Như vậy, có thể hiểu: *“Quyền yêu cầu ly hôn là quyền của các chủ thể mà Nhà nước cho phép các chủ thể đó được thực hiện quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết vụ việc ly hôn giữa vợ và chồng”*.

Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn của các chủ thể này được đảm bảo thực hiện bằng pháp luật. Chỉ khi pháp luật có quy định thì các chủ thể đó mới có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn của vợ chồng. Mặc dù, quyền ly hôn là quyền gắn liền với nhân thân của mỗi cá nhân khi họ đã kết hôn nhưng không phải ở đâu hay lúc nào thì người vợ, chồng đã kết hôn đều có quyền yêu cầu ly hôn. Ở một số quốc gia, pháp luật có thể quy định hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của vợ, chồng trong những trường hợp nhất định. Cụ thể, với một số quốc gia mà tôn giáo chủ yếu là Đạo Hồi thì quyền ly hôn của người vợ hạn chế hơn người chồng. Ở Ấn Độ, cho đến trước khi Tòa án nhân dân tối cao Ấn Độ tuyên bố rằng Luật Ly hôn cấp tốc của người Hồi giáo nước này là vi hiến thì đàn ông Ấn Độ đã kết hôn có quyền yêu cầu ly hôn ngay tức thì chỉ cần lập lại ba lần từ *“Talaq”* (tức là: ly hôn)¹. Như vậy, không phải trong mọi

trường hợp nào vợ, chồng cứ kết hôn là đều có quyền yêu cầu ly hôn. Vợ, chồng có quyền yêu cầu ly hôn hay không là do pháp luật quy định dựa trên nhận thức và tư duy của giai cấp thống trị trong từng xã hội, ở từng giai đoạn nhất định. Tuy nhiên, việc quy định hạn chế quyền ly hôn của vợ, chồng không phải chỉ trong xã hội phong kiến hay do định kiến của tôn giáo mà trong một số trường hợp nhất định, pháp luật quy định hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của một bên để đảm bảo quyền lợi cho bên còn lại. Ví dụ, trong trường hợp người vợ đang mang thai, nuôi con nhỏ thì quy định hạn chế quyền yêu cầu ly hôn là nhằm đảm bảo quyền lợi cho vợ và con.

2. Nội dung quyền yêu cầu ly hôn dưới góc độ bảo vệ quyền con người, thực tiễn áp dụng và một số vướng mắc, bất cập

Là một khái niệm rộng lớn nên quyền con người cũng được nhiều tổ chức, quốc gia định nghĩa khác nhau. Tuy nhiên đến nay, định nghĩa của Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc thường được trích dẫn bởi các nhà nghiên cứu, theo đó, quyền con người được định nghĩa như sau: *“Quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm, tự do cơ bản của con người”*². Chương 2 Hiến pháp năm 2013 đã đề cập đến các quyền con người được ghi nhận và bảo vệ, trong đó có quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm (Điều 19, 20); quyền ly hôn, Nhà nước bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em (Điều 36).

Quyền yêu cầu ly hôn là một trong các quyền nhân thân của vợ, chồng. Vợ chồng

¹ VTV Online (2019), *Ấn Độ cấm “ly hôn tức thì”*, <https://vtv.vn/the-gioi/an-do-cam-ly-hon-tuc-thi-20190731161433635.htm>, truy cập ngày 17/9/2024.

² Thư viện pháp luật (2023), *Quyền con người là gì? Nội dung của Hiến pháp về quyền con người*, <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/ho-tro-phap-luat/tu-van-phap-luat/55505/quyen-con-nguoi-la-gi-noi-dung-cua-hien-phap-ve-quyen-con-nguoi>, truy cập ngày 30/3/2025.

là chủ thể trực tiếp xác lập quan hệ hôn nhân. Do đó, khi hôn nhân không có hạnh phúc, không đạt được các mục đích chung thì vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Mặc dù vợ chồng là chủ thể chính có quyền yêu cầu ly hôn nhưng để đảm bảo quyền và lợi ích của một bên vợ hoặc chồng trong trường hợp nhất định thì khoản 2 Điều 51 Luật HN&GD năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ”*. Quy định này xuất phát từ đòi hỏi thực tiễn, người mắc bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi không thể tự mình thực hiện quyền yêu cầu ly hôn. Do đó, việc trao quyền cho người thân thực hiện việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thay họ là cần thiết nhằm giải thoát họ khỏi tình trạng bị vợ, chồng của mình bạo hành, gây nguy hiểm đến an toàn, tính mạng, sức khỏe của họ (nếu có). Mục đích của mở rộng quyền yêu cầu ly hôn của cha, mẹ, người thân thích trong trường hợp trên nhằm đảm bảo mọi công dân có quan hệ hôn nhân hợp pháp đều có thể thực hiện được quyền ly hôn. Đây là quy định có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, nhằm đảm bảo quyền con người của chủ thể yếu thế hơn đang trong quan hệ hôn nhân mà bị xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp bởi chính người vợ, người chồng của mình.

Theo quy định tại khoản 19 Điều 3 Luật HN&GD năm 2014, *“Người thân thích là người có quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ trong phạm vi ba đời”*. Theo khoản 17 Điều 3 Luật HN&GD năm 2014: *“Những người cùng dòng máu về trực hệ là những người có quan hệ huyết thống, trong đó, người này sinh ra người*

kia kế tiếp nhau”. Như vậy, người thân thích ngoài vợ, chồng, cha, mẹ đã được quy định có quyền yêu cầu ly hôn tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 thì còn bao gồm: Ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, con đẻ, con nuôi, cháu nội, cháu ngoại của người bị tâm thần, người mắc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi. Những chủ thể này cần đáp ứng năng lực hành vi tố tụng dân sự để trở thành người yêu cầu giải quyết ly hôn. Lúc này, họ sẽ là người đại diện của bên vợ hoặc chồng không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quy định về quyền yêu cầu ly hôn thuộc về người thứ ba mà không phải bản thân vợ chồng là một điểm mới nhằm bảo vệ quyền lợi của bên vợ hoặc chồng bị bạo lực gia đình nhưng lại đi ngược lại với lý luận coi quyền yêu cầu ly hôn là quyền nhân thân chỉ thuộc về vợ chồng. Do đó, có quan điểm cho rằng nên bỏ quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật HN&GD hiện hành, bởi: (1) Không phải tất cả những người vợ/chồng bị bạo lực gia đình do người còn lại gây ra đều muốn ly hôn; (2) trong thực tiễn xét xử ly hôn cũng rất hiếm trường hợp ly hôn theo yêu cầu của người thân thích của vợ chồng. Nếu sau khi Tòa án ra bản án cho vợ chồng ly hôn mà người vợ/chồng đã bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nay đã khôi phục được khả năng nhận thức và làm chủ hành vi và Tòa án đã ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố họ là người mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự, người này không đồng ý với bản án ly hôn, không muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng thì cần giải quyết như thế nào³? Tác giả không đồng tình với quan điểm này bởi quy định tại khoản 2 Điều 51 được đặt ra nhằm bảo vệ quyền lợi của một bên vợ hoặc chồng trong

³ Bùi Minh Hồng, “Hoàn thiện pháp luật về ly hôn đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế”, *Pháp luật dân sự Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư (sách chuyên khảo)*, tr. 492.

hoàn cảnh đặc biệt. Quyền yêu cầu ly hôn của chủ thể thứ ba chỉ có thể được áp dụng khi đáp ứng các điều kiện cần và đủ sau: *Một là*, khi một bên vợ hoặc chồng mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác đến mức không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình; *Hai là*, bên vợ, chồng không nhận thức, làm chủ được hành vi này đồng thời phải là nạn nhân của hành vi bạo lực gia đình do người chồng, người vợ còn lại gây ra; *Ba là*, hành vi bạo lực gia đình đó phải dẫn đến hậu quả làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, thể chất, tinh thần của nạn nhân. Việc bên vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình với bên kia trong bất cứ trường hợp nào là hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền con người nói chung, quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng nói riêng, vừa trái pháp luật vừa trái đạo đức xã hội. Do đó, dù trên thực tế rất hiếm trường hợp ly hôn theo điều khoản này nhưng vẫn cần có cơ chế để bảo vệ quyền lợi của bên vợ, chồng yếu thế trong trường hợp này.

Quyền yêu cầu ly hôn là quyền nhân thân gắn liền với người vợ, người chồng và không thể chuyển giao cho người khác. Quyền tự do ly hôn của vợ chồng được pháp luật ghi nhận nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của vợ, chồng. Tuy nhiên, trong những trường hợp đặc biệt, pháp luật vẫn hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của người chồng. Cụ thể, theo khoản 3 Điều 51 Luật HN&GD năm 2014 quy định "*Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp người vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi*". Trong thời kỳ mang thai, sinh con thì người phụ nữ rất cần sự chăm sóc của người thân bên cạnh mình, đặc biệt người chồng là người gần gũi nhất với người vợ. Do vậy, nếu người vợ mang thai mà người chồng yêu cầu ly hôn thì sẽ tác động rất lớn đến người vợ. Tác động này được nhìn nhận dưới dạng tác động vật chất và tác động về tinh thần. Nếu người chồng yêu cầu ly hôn không chỉ ảnh hưởng xấu đến tinh thần của người vợ mà còn có ảnh hưởng nhất định đến đứa trẻ.

Thêm vào đó, người vợ không nhận được sự ủng hộ về vật chất từ người chồng trong thời điểm này cũng là thiệt thòi rất lớn.

Để thực hiện quy định về hạn chế quyền yêu cầu ly hôn được thống nhất, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2014 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về HN&GD (Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP), trong đó hướng dẫn:

- "*Đang có thai*" quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật HN&GD là "*khoảng thời gian vợ mang trong mình bào thai và được cơ sở y tế có thẩm quyền xác định cho đến thời điểm sinh con hoặc thời điểm đình chỉ thai nghén*". Trong thời gian người vợ được xác định là đang có thai, người chồng không có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- "*Sinh con*" quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật HN&GD là thuộc một trong các trường hợp sau đây: *i) Vợ đã sinh con nhưng không nuôi con trong khoảng thời gian từ khi sinh con đến khi con dưới 12 tháng tuổi; ii) Vợ đã sinh con nhưng con chết trong khoảng thời gian dưới 12 tháng tuổi kể từ khi sinh con; iii) Vợ có thai từ 22 tuần tuổi trở lên mà phải đình chỉ thai nghén*".

Như vậy, có thể hiểu trong trường hợp trên, người chồng sẽ bị hạn chế quyền yêu cầu ly hôn 12 tháng kể từ thời điểm sự kiện người vợ sinh con diễn ra. Sinh con là đỉnh điểm của quá trình thai nghén và sinh sản với việc đẩy một hay nhiều trẻ sơ sinh ra khỏi tử cung của người mẹ theo đường âm đạo hoặc dùng biện pháp mổ lấy thai. Trường hợp người vợ đang trong quá trình mang thai, thai từ 22 tuần tuổi trở lên mà phải đình chỉ thai nghén thì thời điểm đình chỉ thai nghén cũng được xác định là thời điểm sinh con để tính thời gian hạn chế quyền yêu cầu ly hôn đối với người chồng. Quy định như vậy là khá phù hợp, bởi khi tuổi thai đã lớn, sự gắn bó giữa người vợ và bào thai ngày càng sâu sắc thì việc phải đình chỉ thai kỳ không chỉ

gây những thương tổn về thể chất mà còn cả về tinh thần đối với người phụ nữ mang thai. Hướng dẫn của Nghị quyết đã làm sáng tỏ nội hàm các trường hợp người chồng bị hạn chế quyền yêu cầu ly hôn khi người vợ sinh con, hướng giải quyết như trên là hợp lý, bởi lẽ xét trên khía cạnh bảo vệ bà mẹ và trẻ em, nếu người chồng chỉ bị hạn chế quyền yêu cầu ly hôn trong quá trình sinh con là không hợp lý. Quá trình sinh con chỉ xảy ra trong một khoảng thời gian. Theo y học thì quá trình này diễn ra trong thời gian tối đa là khoảng 10 giờ. Nếu pháp luật hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của người chồng chỉ trong thời gian đó thì không có ý nghĩa trong việc bảo vệ bà mẹ, trẻ em. Sự kiện sinh con của người phụ nữ ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe thể chất và tinh thần của họ. Vì vậy, hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của người chồng phải được kéo dài trong khoảng thời gian sau khi vợ sinh con⁴.

Về vấn đề này, Nghị quyết cũng hướng dẫn rõ ràng về cách xác định thời điểm bắt đầu và khoảng thời gian người chồng bị hạn chế quyền yêu cầu ly hôn: “*Chồng không có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn trong khoảng thời gian dưới 12 tháng tính từ ngày vợ sinh con, hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này, hoặc ngày đình chỉ thai nghén, hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều này*”. Điều này có nghĩa là thời hạn mà người chồng bị hạn chế quyền yêu cầu ly hôn được xác định là tính từ ngày người vợ sinh con hoặc phải đình chỉ thai kỳ từ 22 tuần tuổi trở lên mà chưa đủ 12 tháng, dựa vào hồ sơ bệnh án do cơ sở y tế cung cấp hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh các sự kiện trên là có thật. Bên cạnh đó, để bảo vệ tối đa quyền lợi của người vợ và đứa trẻ, thì chỉ cần có sự kiện người vợ mang thai, sinh con mà không phân biệt là mang thai với ai; trường hợp vợ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi cũng không phân biệt

con đẻ, con nuôi. Trong cả hai trường hợp trên, người chồng đều bị hạn chế quyền yêu cầu ly hôn.

Trong Luật HN&GD năm 2014 chưa nêu rõ việc hạn chế quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Vì vậy, Nghị quyết đã bổ sung như sau:

“(1) *Chồng của người mang thai hộ không có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi;*

(2) *Chồng của người nhờ mang thai hộ không có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi vợ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi hoặc khi người mang thai hộ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi*”.

Với quy định này, những tranh cãi xung quanh việc hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của các bên trong quan hệ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo đã được tháo gỡ. Theo đó, không chỉ người chồng của người phụ nữ mang thai hộ bị hạn chế quyền yêu cầu ly hôn mà người chồng trong cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ cũng không được yêu cầu ly hôn khi người mang thai hộ đang mang thai, sinh con. Quy định như vậy thể hiện tinh thần của pháp luật HN&GD trong việc bảo vệ triệt để, toàn diện quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em trong quá trình mang thai, sinh con – thực hiện thiên chức làm mẹ của người vợ.

3. Kiến nghị hoàn thiện quy định về quyền yêu cầu ly hôn

Luật HN&GD năm 2014, bên cạnh kế thừa quy định của các đạo luật trước đây ghi nhận quyền yêu cầu ly hôn của vợ, chồng, còn mở rộng quyền yêu cầu ly hôn của cha, mẹ, người thân thích khác của người bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ. Khoản 2 Điều 51 Luật HN&GD

⁴ Ngô Thị Hương, “Quyền yêu cầu ly hôn theo Luật HN&GD năm 2014”, *Tap chí Luật học*, số 12/2015, tr. 43.

năm 2014 quy định: “Cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ”.

Theo quy định tại khoản 19 Điều 3 Luật HN&GD năm 2014, “Người thân thích là người có quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ trong phạm vi ba đời”, khoản 17 Điều 3 Luật HN&GD năm 2014 quy định: “Những người cùng dòng máu về trực hệ” là những người có quan hệ huyết thống, trong đó, người này sinh ra người kia kế tiếp nhau. Khoản 18 Điều 3 Luật HN&GD năm 2014 quy định: “Những người có họ trong phạm vi ba đời là những người cùng một gốc sinh ra, bao gồm cha mẹ là đời thứ nhất; anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha là đời thứ hai; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì là đời thứ ba”. Như vậy, người thân thích ngoài vợ, chồng, cha, mẹ đã được quy định có quyền yêu cầu ly hôn tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Luật HN&GD năm 2014 thì còn bao gồm: Con, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cháu nội, cháu ngoại, anh chị em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; anh chị em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì của người bị tâm thần, người mắc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi. Như vậy, cùng lúc có rất nhiều người thân thích có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn trong trường hợp tại khoản 2 Điều 51 Luật HN&GD năm 2014. Điều này có thể dẫn đến trường hợp nhiều người trong số những người thân thích hoặc tất cả những người thân thích cùng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, gây phiền hà cho Tòa án. Giải quyết ly hôn không chỉ giải quyết về vấn đề tình cảm giữa vợ, chồng mà còn phải giải quyết các vấn đề về con cái, tài sản, các nghĩa vụ chung của vợ, chồng với bên thứ ba. Việc

nhiều người cùng có quyền yêu cầu ly hôn dẫn đến trường hợp có thể mỗi người đưa ra một yêu cầu khác nhau về tài sản, về con cái khiến Tòa án không biết thụ lý đơn của ai, giải quyết yêu cầu của ai hay phải thụ lý đơn của tất cả mọi người? Vì vậy, Luật cần quy định thứ tự ưu tiên những người thân thích được quyền yêu cầu ly hôn theo khoản 2 Điều 51 Luật HN&GD năm 2014 theo hướng: Cha đẻ, mẹ đẻ; con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi; con nuôi; ông, bà nội; ông, bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng mẹ khác cha, cùng cha khác mẹ; anh, chị, em con bác, con chú, con cô, con cậu, con dì với người bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ được hành vi của mình đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ.

Khoản 3 Điều 51 Luật HN&GD năm 2014 quy định: “Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi”. Khoản 3 Điều 51 Luật HN&GD năm 2014 đã bổ sung thêm trường hợp hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của chồng khi vợ “sinh con”. Theo quy định này và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP như đã nêu ở trên, trong trường hợp người vợ sinh con do mang thai hộ hoặc đứa trẻ bị chết ngay sau khi sinh ra thì người chồng cũng không có quyền yêu cầu ly hôn. Quy định hạn chế quyền yêu cầu ly hôn khi vợ sinh con là cần thiết và mang giá trị nhân văn bởi lẽ việc người mang thai hộ phải đình chỉ thai kỳ từ 22 tuần trở lên hoặc đứa trẻ chết sau khi sinh, người vợ trong cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ dù không phải là người trực tiếp mang thai và cũng không nuôi con nhưng việc mang thai hộ thất bại gây những tác động tiêu cực đến tâm lý của người phụ nữ, do đó cần có thời gian ổn định tâm lý. Tuy nhiên, trong trường hợp này thì việc hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của người chồng trong cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ với thời gian 12 tháng là quá dài, cần có

quy định cụ thể phù hợp trong trường hợp này mà không đánh đồng khoảng thời gian bị hạn chế quyền yêu cầu ly hôn là dưới 12 tháng như trường hợp người vợ trực tiếp mang thai, sinh con. Theo đó, có thể cân nhắc phương án hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của người chồng trong cặp vợ chồng mang thai hộ khi người phụ nữ mang thai hộ phải đình chỉ thai kỳ hoặc đưa trẻ chết sau khi sinh thì khoảng thời gian 06 tháng là phù hợp để người vợ trong cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ ổn định về mặt tinh thần, tâm lý.

Mặt khác, mặc dù Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP đã có hướng dẫn áp dụng pháp luật trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 51, theo đó quyền lợi của người phụ nữ khi đang mang thai, sinh con, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi được đảm bảo tốt hơn. Tuy nhiên, với hướng dẫn như trên vẫn chưa thực sự bảo vệ triệt để người phụ nữ khi thực hiện chức năng sinh đẻ, đó là trường hợp người phụ nữ mang thai nhưng không may bị sẩy thai, thai lưu hoặc phải đình chỉ thai kỳ mà tuổi thai dưới 22 tuần thì không thuộc trường hợp hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của người chồng. Sẩy thai được định nghĩa là trường hợp thai bị tống ra khỏi buồng tử cung trước 22 tuần hay cân nặng của thai dưới 500g⁵. Việc đình chỉ thai kỳ từ 22 tuần trở lên là căn cứ để người chồng bị hạn chế quyền yêu cầu ly hôn với lý giải thai nhi từ 22 tuần trở lên đã phát triển hoàn chỉnh về hình thái, việc gắn bó với bào thai trong thời gian dài tạo ra tác động tâm lý xấu đối với người phụ nữ khi rơi vào trường hợp này. Tuy vậy, cũng không thể phủ nhận những tác động xấu đến sức khỏe và tâm lý của người vợ khi họ sẩy thai. Trong nhiều trường hợp, sẩy thai có liên quan đến những ảnh hưởng tâm lý ngắn hạn và dài hạn, thường bị các chuyên gia y tế đánh giá thấp. Một số nghiên cứu

đã báo cáo những tác động có hại của sẩy thai tự nhiên đối với sức khỏe tâm thần của phụ nữ: 55% phụ nữ có các triệu chứng trầm cảm, lên đến 27% đau buồn sau sinh; và hơn 18% cho biết lo lắng ở mức độ vừa phải⁶. Mặt khác, có nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, dù hầu hết phụ nữ bị sẩy thai sẽ tiếp tục mang thai đủ tháng mà không có biến chứng, nhưng sẩy thai trước đó có liên quan đến nguy cơ sinh non, thai chậm phát triển và các biến chứng sản khoa khác cao hơn trong những lần mang thai sau. Sẩy thai trước đó cũng liên quan đến nguy cơ cao hơn mắc các vấn đề sức khỏe lâu dài cho phụ nữ, bao gồm bệnh tim mạch, huyết khối tắc mạch tĩnh mạch và các biến chứng sức khỏe tâm thần⁷. Với những tác động xấu do việc sẩy thai mang lại, để đảm bảo quyền lợi của người vợ trong trường hợp này, cần thiết phải hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của người chồng trong thời hạn 06 tháng, tương tự như kiến nghị hạn chế quyền yêu cầu ly hôn đối với người chồng của bên nhờ mang thai hộ. Đây có thể coi là một khoảng thời gian phù hợp để người vợ phục hồi về thể chất và tâm lý, để các bên nhìn nhận lại tình trạng quan hệ hôn nhân của mình và lựa chọn giải pháp phù hợp nhất cho cả hai bên.

Trong trường hợp vợ, chồng thuận tình ly hôn mà người vợ đang mang thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi và cả

⁶ "Some studies have reported the deleterious effects of spontaneous abortion on women's mental health: 55% of women presented symptoms of depression, up to 27% perinatal grief, and more than 18% reported moderate anxiety", Cuenca D., "Pregnancy loss: Consequences for mental health", *Front Glob Womens Health*, 2023, <https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC9937061/>, truy cập ngày 10/6/2025.

⁷ "Although most women who have a miscarriage will go on to carry a baby to term without complications, previous miscarriage is associated with a higher risk of preterm birth, fetal growth restriction, and other obstetric complications in subsequent pregnancies. Previous miscarriage is also associated with a higher risk of long-term health problems for women, including cardiovascular disease, venous thromboembolism, and mental health complications", *The Lancet*, "Miscarriage: Worldwide reform of care is needed", *The Lancet*, Vol. 397/2021, [https://www.thelancet.com/journals/lancet/article/PIIS0140-6736\(21\)00954-5/fulltext](https://www.thelancet.com/journals/lancet/article/PIIS0140-6736(21)00954-5/fulltext), truy cập ngày 10/6/2025.

⁵ Thư viện y học, *Sẩy Thai Và Đoạ Sẩy Thai – Phác Đồ Bộ Y Tế*, <https://thuvienyhoc.com/tai-lieu/say-thai-doa-say-thai/>, truy cập ngày 10/6/2025.

hai vợ chồng cùng ký vào đơn yêu cầu ly hôn thì cần quy định loại trừ hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của chồng. Bởi lẽ, vợ chồng cùng ký đơn đồng nghĩa với việc người vợ có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vì lý do nào đó. Do đó, Tòa án cần thụ lý giải quyết mặc dù người vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Vì vậy, khoản 3 Điều 51 Luật HN&GD năm 2014 nên sửa đổi theo hướng: “*Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con dưới 100 ngày hoặc đang nuôi con chưa đủ 12 tháng tuổi trừ trường hợp vợ chồng thuận tình ly hôn*”⁸.

Ngoài ra, cần bổ sung trường hợp hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của vợ, chồng đối với người bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ hành vi khi họ không còn người thân thích để nuôi dưỡng, chăm sóc. Thời gian hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của vợ, chồng trong trường hợp này cần quy định cho đến khi người bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ hành vi hoặc cho đến khi có người khác, tổ chức khác nuôi dưỡng, chăm sóc. Người tâm thần hoặc mắc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi vốn đã là người yếu thế, dễ bị tổn thương lại thiếu đi sự quan tâm, chăm sóc của gia đình khiến cho tình trạng của họ có thể trở nên càng nghiêm trọng hơn. Do đó, nếu họ không còn người thân thích khác nuôi dưỡng, chăm sóc thì việc hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của vợ, chồng trong trường hợp này là cần thiết, đảm bảo quyền sống – một quyền cơ bản của con người. Trường hợp người chồng, vợ muốn ly hôn thì buộc phải tìm người chăm sóc cho vợ, chồng bị tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ hành

vi hoặc đưa họ vào trung tâm bảo trợ xã hội. Quy định này để gắn trách nhiệm của vợ, chồng với nhau khi họ đã là vợ chồng mà không may một trong hai người mắc bệnh thì người còn lại phải có trách nhiệm chăm lo cho họ.

Như vậy, có thể nhận định rằng quy định về quyền yêu cầu ly hôn trong Luật HN&GD năm 2014 đã có sự sửa đổi, bổ sung so với các văn bản luật trước đây, thể hiện tính nhân văn sâu sắc, bảo vệ quyền con người nói chung, quyền lợi của các bên trong quan hệ vợ chồng nói riêng, ngay cả khi quan hệ hôn nhân đã rạn nứt, mâu thuẫn. Đặc biệt, quy định về hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của người chồng được hướng dẫn theo hướng mở rộng để bảo vệ người vợ trong giai đoạn thực hiện thiên chức làm mẹ - tái sản xuất ra con người, thực hiện một trong những chức năng cơ bản của gia đình. Mặc dù vậy, để đảm bảo triệt để hơn quyền con người, đặc biệt là của người vợ trong giai đoạn mang thai, sinh con và nuôi con và những trường hợp một bên vợ hoặc chồng không thể và không có người thân thích khác chăm sóc thì Luật cần cân nhắc để có những quy định phù hợp với thực tế đời sống./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
2. Nghị quyết số 01/2024/HĐTP ngày 16/5/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;
3. Bùi Minh Hồng (2024), “Hoàn thiện pháp luật về ly hôn đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế”, sách chuyên khảo *Pháp luật dân sự Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Trần Anh Tuấn, Vũ Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Văn Hoi, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2024;
4. Trần Thị Thùy Liên (2023), *Chế định ly hôn trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
5. Ngô Thị Hương, “Quyền yêu cầu ly hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014”, *Tạp chí Luật học*, số 12/2015.

⁸ Trần Thị Thùy Liên, *Chế định ly hôn trong Luật HN&GD năm 2014, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 139.